**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA DOANH NGHIỆP THEO**

**BỘ TIÊU CHÍ "VĂN HÓA KINH DOANH VIỆT NAM"**

(Kèm theo phiếu đăng ký tham gia ngày …/…/2022 của Công ty…..)

***Yêu cầu chung về việc cung cấp minh chứng:***

*- Minh chứng có thể là ảnh, đường link hiện hữu để Ban tổ chức thẩm định, nếu đường link không mở được coi như doanh nghiệp thiếu minh chứng*

*- Với mỗi chỉ số, doanh nghiệp chỉ cung cấp tối đa 3 minh chứng*

*- Khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp các minh chứng đã được công bố công khai để tăng tính minh bạch của thông tin và trách nhiệm giải trình của người cung cấp thông tin*

*- Minh chứng cung cấp phải nằm trong giai đoạn 2019 - 2021*

**PHẦN I. CÁC ĐIỀU KIỆN BẮT BUỘC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÁC ĐIỀU KIỆN BẮT BUỘC** | **Tại DN** | |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| **1. Không buôn lậu, không trốn thuế** |  |  |
| Doanh nghiệp không có thông báo, quyết định xử phạt hoặc bản án của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan đến các vấn đề buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại. |  |  |
| **2. Không sản xuất, kinh doanh hàng giả, sản phẩm độc hại** |  |  |
| Doanh nghiệp không có thông báo, quyết định xử phạt, bản án của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. |  |  |
| **3. Không nợ lương và BHXH của người lao động** |  |  |
| Doanh nghiệp có xác nhận của Công đoàn và/hoặc cơ quan BHXH cho thấy doanh nghiệp hoàn tất nghĩa vụ trả lương và đóng BHXH với người lao động theo quy định (Trừ những trường hợp bất khả kháng). |  |  |
| **DN cung cấp minh chứng** |  |  |
| **4. Không lừa đảo, lợi dụng hoặc làm hại các tổ chức, cá nhân khác** |  |  |
| Người quản lý, điều hành doanh nghiệp không bị toà án tuyên phạt do lừa đảo, lợi dụng uy tín của tổ chức hoặc cá nhân để chiếm đoạt tài sản hoặc gây hại cho các tổ chức, cá nhân khác. |  |  |
| **5. Không vi phạm pháp luật** |  |  |
| Không có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp vi phạm pháp luật Việt Nam và các văn bản pháp luật khác mà doanh nghiệp là đối tượng điều chỉnh. Đối với các doanh nghiệp của người Việt Nam ở nước ngoài không vi phạm pháp luật nước sở tại và các cam kết Quốc tế khác giữa Chính Phủ Việt Nam và Chính Phủ nước sở tại. |  |  |

**PHẦN 2. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**

**CÁC NHÓM TIÊU CHÍ:**

Nhóm 1. Lãnh đạo doanh nghiệp phát triển bền vững

Nhóm 2. Xây dựng và thực thi văn hóa doanh nghiệp

Nhóm 3. Thượng tôn pháp luật

Nhóm 4. Đạo đức kinh doanh

Nhóm 5. Trách nhiệm xã hội

**NHÓM 1. LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

| **TIÊU CHÍ/CHỈ SỐ** | **Thực hiện tại DN** | | **Danh mục minh chứng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Có** | **Không** |
| **Tiêu chí 1. Định hướng phát triển bền vững** | | | |
| 1. Doanh nghiệp có sứ mệnh, tầm nhìn, triết lý kinh doanh và các giá trị cốt lõi được công bố và truyền thông rộng rãi, hướng đến tất cả các bên có quyền và nghĩa vụ liên quan. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng**: | | | |
| 2. Kết quả kinh doanh có xu hướng tăng trưởng bền vững qua các năm. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| **Tiêu chí 2. Hệ thống quản lý** | | | |
| 3. Doanh nghiệp có ban hành hệ thống tài liệu hướng dẫn nội bộ và áp dụng các công cụ quản lý hiện đại, phù hợp đáp ứng các tiêu chuẩn trong ngành (ví dụ như tiêu chuẩn ISO, GMP, HACCP, BSC, KRA, OKR, KPI...). |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 4. Doanh nghiệp có hệ thống quy chế, chính sách, quy trình quản lý được liên tục cải tiến để phù hợp với môi trường kinh doanh và yêu cầu phát triển của doanh nghiệp |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| **Tiêu chí 3. Tư duy và năng lực đổi mới sáng tạo, khả năng thích ứng với môi trường kinh doanh** | | | |
| 5. Doanh nghiệp luôn thúc đẩy đổi mới sáng tạo và có nhiều sáng kiến cải tiến được áp dụng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 6. Doanh nghiệp dành nguồn lực phù hợp với quy mô của doanh nghiệp (bao gồm tài chính, nhân lực và hạ tầng công nghệ thông tin) đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số nhằm gia tăng hiệu suất và hiệu quả công việc. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| **Tiêu chí 4. Bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực** | | | |
| 7. Doanh nghiệp có bộ máy quản trị tinh gọn, hiệu quả, bảo đảm cơ chế phối hợp và hỗ trợ qua lại giữa các bộ phận, giúp văn hóa doanh nghiệp được lan tỏa trong quá trình làm việc cùng với nhau |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 8. Doanh nghiệp có giải pháp và kế hoạch thu hút, gìn giữ nhân tài, đào tạo phát triển nguồn nhân lực; có chương trình giúp nhân viên mới nhanh chóng hội nhập vào môi trường làm việc |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng**: | | | |
| 9. Tất cả các vị trí chức danh trong sơ đồ tổ chức có lộ trình nghề nghiệp, tiêu chuẩn công việc, mô tả công việc, trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |

**NHÓM 2. XÂY DỰNG VÀ THỰC THI VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP**

| **TIÊU CHÍ/CHỈ SỐ** | **Thực hiện tại DN** | | **Danh mục minh chứng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Có** | **Không** |
| **Tiêu chí 5. Sự đồng thuận và làm gương của Ban lãnh đạo** | | | |
| 10. Ban lãnh đạo doanh nghiệp làm gương, thực sự đại diện cho các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp và kết quả có sự thay đổi tích cực qua thời gian. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 11. Doanh nghiệp có ban hành cẩm nang văn hóa doanh nghiệp và/hoặc bộ hành vi ứng xử và hướng dẫn thực thi |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| **Tiêu chí 6. Hệ thống truyền thông và thương hiệu** | | | |
| 12. Doanh nghiệp có hệ thống thông tin, giao tiếp và truyền thông nội bộ qua các ứng dụng riêng hoặc qua email, website, nhóm chat, mạng xã hội, báo tường… được lựa chọn phù hợp với quy mô và điều kiện của doanh nghiệp, giúp tiếp cận đến với tất cả các cấp độ vị trí trong doanh nghiệp |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 13. Doanh nghiệp có dành kinh phí và nhân sự chuyên trách hoặc kiêm nhiệm (số lượng tùy thuộc vào tổng số nhân sự của doanh nghiệp) phụ trách việc thúc đẩy hoạt động của các bộ phận trong doanh nghiệp hướng đến các giá trị văn hoá cốt lõi. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 14. Doanh nghiệp có hệ thống nhận diện thương hiệu (cả phần cứng và phần mềm của thương hiệu), bao gồm nhưng không hạn chế ở bộ nhận diện thương hiệu CI (Corporate Identity) và hướng dẫn sử dụng thương hiệu (Brand Guideline) |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| **Tiêu chí 7. Chính sách phúc lợi dành cho người lao động** | | | |
| 15. Mức thu nhập bình quân hàng tháng trên đầu người của doanh nghiệp bằng hoặc cao hơn mức bình quân trên thị trường (so với bình quân các doanh nghiệp cùng ngành hoặc lĩnh vực kinh doanh). |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 16. Doanh nghiệp có quy chế và chính sách được ban hành đảm bảo quyền lợi cho người lao động tốt hơn các quy định của pháp luật, bao gồm: bảo hiểm, khám sức khoẻ định kỳ, kỳ nghỉ hàng năm, bồi dưỡng độc hại, đào tạo phát triển nghề nghiệp… |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 17. Hệ thống công đoàn trong doanh nghiệp và đại diện phòng/khối hành chính nhân sự hoạt động đúng luật, bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| **Tiêu chí 8. Sự gắn kết của đội ngũ** | | | |
| 18. Tỉ lệ nghỉ việc của nhân viên trong doanh nghiệp thấp hơn so với tỉ lệ nghỉ việc bình quân của ngành hoặc các doanh nghiệp cùng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng**: | | | |
| 19. Doanh nghiệp có tiến hành khảo sát sự hài lòng của nhân viên hàng năm hoặc tổ chức hội nghị người lao động và có các hành động cụ thể để nâng cao sự hài lòng của nhân viên đối với chế độ phúc lợi, cơ hội phát triển nghề nghiệp, môi trường làm việc, hệ thống quản trị… |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| **Tiêu chí 9. Quản trị tri thức trong doanh nghiệp** | | | |
| 20. Doanh nghiệp có cơ chế và/hoặc các hoạt động khuyến khích nhân viên tự học hỏi nâng cao kiến thức, chia sẻ tri thức, nâng cao trình độ chuyên môn; gắn việc học với sự phát triển nghề nghiệp của nhân viên |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng**: | | | |
| 21. Doanh nghiệp có xây dựng và triển khai hiệu quả các chương trình đào tạo cụ thể cho từng vị trí, chức danh phù hợp với công việc hiện tại và tương lai theo lộ trình phát triển nghề nghiệp (Career Development Plan) của nhân viên |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 22. Doanh nghiệp có đầu tư vào công tác quản trị tri thức để nâng cao giá trị tài sản tri thức của doanh nghiệp |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 23. Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu thị trường, tập quán, văn hoá kinh doanh quốc tế để sẵn sàng cho việc hội nhập quốc tế |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |

**NHÓM 3. THƯỢNG TÔN PHÁP LUẬT**

| **TIÊU CHÍ/CHỈ SỐ** | **Thực hiện tại DN** | | **Danh mục minh chứng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Có** | **Không** |
| **Tiêu chí 10. Tuân thủ quy định của pháp luật** | | | |
| 24. Doanh nghiệp hoàn tất nghĩa vụ báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định, không nợ thuế, không có tình trạng hai sổ sách |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 25. Doanh nghiệp không vi phạm thoả ước lao động tập thể. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 26. Doanh nghiệp không vi phạm các hiệp định, thoả thuận, tiêu chuẩn mà Chính phủ Việt Nam ký kết với các chính phủ và tổ chức quốc tế. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| **Tiêu chí 11. Chính sách an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp** | | | |
| 27. Doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, khám sức khoẻ định kỳ và có giải pháp, quy trình ứng phó với từng tình huống khẩn cấp cụ thể |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 28. Doanh nghiệp có môi trường làm việc khang trang, sạch đẹp, bảo đảm vệ sinh, phòng chống dịch bệnh và có những quy tắc, hướng dẫn cụ thể cho nhân viên và khách hàng đến làm việc |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |

**NHÓM 4. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH**

| **TIÊU CHÍ/CHỈ SỐ** | **Thực hiện tại DN** | | **Danh mục minh chứng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Có** | **Không** |
| **Tiêu chí 12. Công bằng và cạnh tranh lành mạnh** | | | |
| 29. Không có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp hoặc đơn vị trực thuộc hoặc cá nhân vòi vĩnh, tham ô, hối lộ hoặc nhận hối lộ bị truy cứu trước pháp luật. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 30. Không có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp bán phá giá, chèn ép, phát ngôn hoặc cung cấp thông tin sai lệch về đối thủ cạnh tranh. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 31. Không có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp lạm dụng vị trí độc quyền hay thị phần thống lĩnh thị trường để đạt lợi thế cạnh tranh. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| **Tiêu chí 13. Uy tín trong kinh doanh** | | | |
| 32. Kết quả ý kiến đánh giá chất lượng sản phẩm/dịch vụ từ khách hàng (đạt ít nhất 80% theo  hệ thống đánh giá đáng tin cậy, được công nhận) hoặc được công nhận của các cơ quan, tổ chức uy tín trong và ngoài nước. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 33. Không có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp vi phạm các trách nhiệm và nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết với khách hàng và đối tác (theo luật dân sự và pháp luật về hợp đồng kinh tế) |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |

**NHÓM 5. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI**

| **TIÊU CHÍ/CHỈ SỐ** | **Thực hiện tại DN** | | **Danh mục minh chứng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Có** | **Không** |
| **Tiêu chí 14. Bảo vệ môi trường** | | | |
| 34. Doanh nghiệp triển khai đầy đủ các quy trình, quy định nhằm đảm bảo tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 35. Mọi quyết định quan trọng của doanh nghiệp luôn cân nhắc yếu tố tác động hoặc ảnh hưởng đến môi trường như: vệ sinh công nghiệp, vận chuyển, kho bãi, phân loại và xử lý rác thải, lựa chọn công nghệ… |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| **Tiêu chí 15. Hoạt động xã hội** | | | |
| 36. Doanh nghiệp tích cực tham gia đóng góp từ thiện, hỗ trợ, phát triển cộng đồng, hoạt động vì môi trường …bằng các hình thức khác nhau. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 37. Tổng giá trị trung bình các khoản đóng góp cho cộng đồng và xã hội không thấp hơn giá trị trung bình 01 ngày lương của toàn doanh nghiệp (tính trong 03 năm gần nhất). |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 38. Lãnh đạo doanh nghiệp trực tiếp hoặc thông qua các hiệp hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội để đóng góp xây dựng cộng dồng doanh nghiệp và góp ý hoặc hỗ trợ thực thi các chủ trương chính sách của nhà nước. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| **Tiêu chí 16. Đối xử bình đẳng** | | | |
| 39. Doanh nghiệp có các quy định và bằng chứng thực thi bảo đảm không phân biệt đối xử trong việc tuyển dụng, sử dụng nhân sự là người khuyết tật |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |
| 40. Doanh nghiệp không có các quy định hạn chế quyền lợi của người lao động liên quan đến giới tính, tôn giáo, đảng phái./. |  |  | * … * … * … |
| **DN tự đánh giá và cung cấp minh chứng:** | | | |